

Nước Chi phí	MỸ		ÚC		NEW ZEALAND		UK		SINGAPORE	
	Ngoại tệ (USD)	VND (triệu đồng)	Ngoại tệ (AUD)	VND (triệu đồng)	Ngoại tệ (NZD)	VND (triệu đồng)	Ngoại tệ (GBP)	VND (triệu đồng)	Ngoại tệ (SGD)	VND (triệu đồng)
<b>Trung học</b>	19.000 – 35.000	418 - 665	31.000 – 36.000	496 - 576	23,000 – 30.000	294 - 383	Trong London: 11.400 – 23.200 Ngoài London: 9.600 – 21.400	Trong London: 317 – 646 Ngoài London: 267 - 596	22,000- 30,000	302 - 405
<b>Cao đẳng</b>	16.000- 19.000	304 – 361	30.000 – 34.000	480 - 544	30,000	345 - 383	Trong London: 11.500 – 15.200 Ngoài London: 9.700 – 13.400	Trong London: 320 – 423 Ngoài London: 270 - 373	19,000 - 25,000	257 - 337
<b>Đại học</b>	26.000 – 33.000	494 - 627	36.000 – 42.000	576 - 672	28,000	396 - 472	Trong London: 14.200 – 19.200 Ngoài London: 12.400 – 17.400	Trong London: 395 – 534 Ngoài London: 345 - 484	27,000 – 35,000	365- 473

Tỷ giá tham khảo: 1 USD=19.000 VND ; 1 AUD = 16.000 VND, 1 NZD = 12.770 VND, 1 SGD: 13.492

Chi phí trên đã bao gồm học phí và chi phí ăn ở trong 1 năm.